

Số: 13/2023/QĐST-DS

Đ, ngày 15 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 649, 650, 651 và Điều 654 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07/02/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Số 69, đường P, tổ 25, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông V – Luật sư – Văn phòng luật sư M – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 179, đường L, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Chị Trương Thị Trần Hồng V, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn X, xã X, TP. Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2.2. Chị Trương Thị Trần Hồng L, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 42, đường Đ, phường 7, TP. Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2.3. Anh Trương Trần Quang S, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 42, đường Đ, phường 7, TP. Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn chị Trương Thị Trần Hồng V, chị Trương Thị Trần Hồng L, anh Trương Trần Quang S: Ông Lê Cao T.

Địa chỉ: Số 135, đường N, phường 2, TP. Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Quang H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 69, đường P, tổ 25, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Trương Quang E là ngày 29 tháng 11 năm 2010; Địa điểm mở thừa kế nay là thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Trương Quang E: Bà Nguyễn Thị H, chị Trương Thị Trần Hồng V, chị Trương Thị Trần Hồng L, anh Trương Trần Quang S, ông Trương Quang H.

2.2. Chia hiện vật cho bà Nguyễn Thị H là toàn bộ diện tích 146,2m² đất (trong đó có 121,04m² đất ODT) và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4, thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 54, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị H.

Công nhận toàn bộ diện tích 146,2m² đất (trong đó có 121,04m² đất ODT) và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4, thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 54, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị H.

(Có hoạ đồ lô đất đề ngày 10/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế (1/5) cho chị Trương Thị Trần Hồng V số tiền 383.000.000đồng.

2.4. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế (1/5) cho chị Trương Thị Trần Hồng L số tiền 383.000.000đồng.

2.5. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế (1/5) cho anh Trương Trần Quang S số tiền 383.000.000đồng.

2.6. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế (1/5) cho anh Trương Quang H số tiền 383.000.000đồng.

2.7. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trương Thị Trần Hồng L, anh Trương Trần Quang S số tiền 7.500.000đồng chi phí thẩm định giá tài sản.

2.8. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.9. Về án phí:

2.9.1. Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên khi thụ lý vụ án miễn toàn bộ tạm ứng án phí₂ và án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn

Thị H theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.9.2. Chị Trương Thị Trần Hồng V nhận chịu 9.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.9.3. Chị Trương Thị Trần Hồng L nhận chịu 9.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.9.4. Anh Trương Trần Quang S nhận chịu 9.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.9.5. Bà Nguyễn Thị H nhận chịu 9.575.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (Bà Nguyễn Thị H tự nguyện nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trương Quang H).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Vũ